

Bản án số: 30b/2022/HNGĐ-ST
NGy 09-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Chung

2. Ông Lã Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

NGy 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ, nGy 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ, nGy 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Thân Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Phan Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Thân Văn T trên cơ sở tìm hiểu và thỏa thuận tự nguyện; đăng ký kết hôn nGy 24/7/2009 tại UBND xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; mâu thuẫn phát sinh

căng thẳng từ cuối năm 2021, nguyên nhân là do hai người có nhiều bất đồng về quan điểm, cách sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng đã ly thân về mặt tình cảm từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Thân Phan G, sinh ngày 30/10/2010 và cháu Thân Phan Thanh B, sinh ngày 11/8/2012. Hiện cả hai cháu đang ở cùng bố, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu B, để anh T nuôi cháu G, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Thân Văn T trình bày: Anh xác nhận chị D trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng; anh cũng xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2021 do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường cãi chửi nhau. Tuy nhiên vợ chồng không ly thân, chị D chỉ đến bà ngoại chơi vài hôm. Anh xác định bản thân vẫn còn yêu thương chị D nên chị D xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Con của chị D, anh T là cháu Thân Phan G và cháu Thân Phan Thanh B trình bày: Ban đầu các cháu đều trình bày nguyện vọng được ở cùng mẹ. Tại biên bản lấy lời khai nGy 09/9/2022, cả hai cháu đều thay đổi ý kiến mong được ở cùng bố.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35,

Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nGy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Thân Văn T; về con chung: Giao chị Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thân Phan Thanh B, sinh nGy 11/8/2012. Giao anh Thân Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thân Phan G, sinh nGy 30/10/2010; chị D, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Thân Văn T, có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn G, xã T, huyện Sơn Động. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Phan Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Thân Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Thân Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận tiến tới hôn nhân, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nGy 24/7/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp.

Chị D và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2021, nguyên nhân do hai người có nhiều bất đồng về quan điểm, cách sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau. Chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu tháng 7/2022, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên có nguyện vọng được ly hôn. Mặc dù anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh T cũng không có giải pháp gì để cải thiện đời sống chung vợ chồng. Xét thấy, chị D và anh T đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng là phải thương yêu, chăm sóc cho nhau, chung sống cùng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn anh T theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh T xác định có 02 con chung là cháu Thân Phan G, sinh nGy 30/10/2010 và cháu Thân Phan Thanh B, sinh nGy 11/8/2012. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi cháu B, để anh T nuôi cháu G, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu. Cả anh T, chị D đều không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù, cả cháu G và cháu B đều có nguyện vọng ở cùng bố. Nhưng xét thấy, cả chị D và anh T đều có chỗ ở ổn định, có việc làm có thu nhập, cả hai có điều kiện nuôi dưỡng con như nhau và đều đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con cũng như trách nhiệm của cha mẹ với con cái, cần giao cho mỗi người nuôi một cháu. Hội đồng xét xử giao cháu Thân Phan Thanh B, sinh nGy 11/8/2012 cho chị D nuôi dưỡng, giao cháu Thân Phan G, sinh nGy 30/10/2010 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị D, anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: D, anh T đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị D yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nGy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nGy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Thân Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thân Phan Thanh B, sinh nGy 11/8/2012.

Giao anh Thân Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thân Phan G, sinh nGy 30/10/2010.

Chị D, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở chị D, anh T quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015384, nGy

29/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Đương sự vắng mặt có 15 nGy kháng cáo kể từ nGy nhận được bản án hoặc kể từ nGy bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng